

HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO KTKT
CÔNG TRÌNH: NƯỚC SINH HOẠT PA SOAN 1, XÃ NẬM NÈN,
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA VÀ PTQĐ KHU VỰC 4
ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH NAM HƯNG ĐIỆN BIÊN
ĐỊA ĐIỂM: PA SOAN 1, XÃ NẬM NÈN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

NĂM 2025

MỤC LỤC

Chương I.....	4
SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.....	4
I. Sự cần thiết đầu tư	4
II. Mục tiêu đầu tư	4
III. Những thông tin chung về dự án.....	5
IV. Tổ chức khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5
V. Nhân sự chính tham gia khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.....	5
VI. Thời gian thực hiện.....	5
VII. Danh mục hồ sơ.....	6
VIII. Các căn cứ pháp lý lập hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật.....	6
Chương II	8
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	8
I. Địa điểm xây dựng công trình	8
II. Diện tích chiếm đất	8
Chương III.....	9
NHIỆM VỤ, QUY MÔ VÀ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH.....	9
I. Loại, cấp công trình	9
II. Nhiệm vụ, quy mô và kết cấu công trình	9
Chương IV	12
GIẢI PHÁP THI CÔNG VÀ AN TOÀN XÂY DỰNG	13
I. Giải pháp thi công xây dựng.....	13
II. An toàn xây dựng	13
1.Chương V	15
PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	15
I. Diện tích giải phóng mặt bằng.....	15
Chương VI.....	
Chương VII	16
DỰ TOÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ XÂY DỰNG	16
I. Dự toán công trình.....	16
II. Nguồn vốn	16
Chương VIII.....	17
HIỆU QUẢ CÔNG TRÌNH	17
Chương IX.....	17
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	17
I. Các nội dung chính.....	17
II. Phân chia các công việc thuộc dự án.....	17

III. Các bước thực hiện dự án	17
Chương X	19
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	19
I. Kết luận.....	19
II. Kiến nghị.....	19

THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT
Đầu tư xây dựng công trình: Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn,
tỉnh Điện Biên

Chương I
SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

I. Sự cần thiết đầu tư

Vào ngày 1/7/2025, xã Nậm Nèn được tái cấu trúc từ sự hợp nhất của xã Huổi Mí và xã Nậm Nèn cũ theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15. Sự kiện này không chỉ thay đổi ranh giới hành chính mà còn đánh dấu bước ngoặt trong việc tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý và thúc đẩy phát triển bền vững. Với vị trí nằm ở vùng biên giới, xã Nậm Nèn đang dần trở thành một điểm sáng trong bức tranh phát triển của huyện Mường Chà.

Quy mô lãnh thổ và dân cư mới: Sau sáp nhập, xã Nậm Nèn có diện tích tự nhiên khoảng 150 km² và dân số ước tính hơn 4.500 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc Thái và Hà Nhì, Mông. Quy mô này giúp xã có điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển kinh tế và hạ tầng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của người dân.

Tái cấu trúc bộ máy hành chính: Trụ sở hành chính của xã Nậm Nèn được đặt tại khu vực trước đây là trung tâm xã Nậm Nèn cũ, giúp tinh gọn hệ thống quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận các dịch vụ công như cấp giấy tờ, đăng ký hộ khẩu và các thủ tục hành chính khác.

- Bản Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên thuộc khu vực đồi núi cao, sườn núi dốc, lưu vực nguồn nước ngắn, lưu lượng nước nhỏ. Cụm công trình cung cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân ở bản, có tổng số hộ dân hiện tại là 42 hộ với 200 nhân khẩu, 1 điểm trường mầm non với 01 giáo viên 23 học sinh, 01 điểm trường tiểu học với 1 giáo viên 12 học sinh. Hiện tại bản Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên chưa có hệ thống nước sinh hoạt về bản nên bà con dân bản đang tự dẫn những đường ống nhỏ về bản.

- Hệ thống nước sạch trước đây đã được đầu tư xây dựng nhưng trong quá trình vận hành, sử dụng theo thời gian đến nay công trình đã xuống cấp không còn đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của nhân dân cũng như sự phát triển dân số nhiều hơn so với thời điểm đầu tư xây dựng công trình trước đây, hiện nay nhân dân trong bản đang tự dẫn ống từ các khe nhỏ, mố hoặc đào giếng khơi dùng tạm nhưng không được ổn định.

- Nay được sự quan tâm của đảng và nhà nước nên trong thời gian tới nhân dân trong bản sẽ được đầu tư nguồn vốn để sửa chữa đường nước sinh hoạt cho bản nhằm đảm bảo cuộc sống cho bà con nhân dân, ổn định phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Để đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt kịp thời, ổn định đời sống nhân dân và nâng cao ý thức chăm lo cho con em trong bản được học hành đầy đủ, trình độ nhận thức được phát triển góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nên việc đầu tư xây dựng công trình: Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên.

II. Mục tiêu đầu tư

STT	Nội dung	Mô tả
1	Mục tiêu chính	Việc đầu tư Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên. Đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho 42 hộ với 200 nhân khẩu, 1 điểm trường mầm non với 01 giáo viên 23 học sinh, 01 điểm trường tiểu học với 1 giáo viên 12 học sinh.
2	Mục tiêu cụ thể	Việc đầu tư Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên. Đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho 42 hộ với 200 nhân khẩu, 1 điểm trường mầm non với 01 giáo viên 23 học sinh, 01 điểm trường tiểu học với 1 giáo viên 12 học sinh.

III. Những thông tin chung về dự án

STT	Thông tin	Nội dung
1	Tên dự án	Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên
2	Tên công trình	Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên
3	Địa điểm xây dựng	Bản Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên.
4	Chủ đầu tư	Ban Quản lý dự án & PTQĐ khu vực 4.
5	Đại diện chủ đầu tư	Ban Quản lý dự án & PTQĐ khu vực 4.
6	Cấp quyết định đầu tư	UBND tỉnh Điện Biên.
7	Hình thức đầu tư	Sửa chữa

IV. Tổ chức khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật

STT	Thông tin	Nội dung chi tiết	Ghi chú
1	Tên công ty	Công ty TNHH Nam Hưng tỉnh Điện Biên	
2	Địa chỉ	Thôn C4, Xã Thanh Nưa, Tỉnh Điện Biên	
3	Số điện thoại	0345072657	
4	Người đại diện	Lê Đăng Phú	
5	Mã số thuế	5600348905	
6	Số tài khoản		

V. Nhân sự chính tham gia khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Lê Đăng Phú	Giám đốc	
2	Nguyễn Thị Minh	Chủ trì công trình	
3		Chủ nhiệm thiết kế	
4		Khảo sát	
5		Chủ trì khảo sát	
6		Thiết kế viên, khảo sát, dự toán	
7		Thiết kế viên, khảo sát, dự toán	
8		Dự toán	
9		Chủ trì dự toán	

VI. Thời gian thực hiện

STT	Nội dung công việc	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
-----	--------------------	--------------	-----------------

1	Khảo sát	/...../2025	/...../2025
2	Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	/...../2025	/...../2025

VII. Danh mục hồ sơ

STT	Nội dung	Ký hiệu	Ghi chú
I	Thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật		
II	Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công		
1	Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công		
2	Phụ lục tính toán thủy lực		
3	Phụ lục tính toán khối lượng		
III	Hồ sơ dự toán		
IV	Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		
V	Phương án khảo sát xây dựng		
VI	Thuyết minh báo cáo khảo sát		
VII	Bản vẽ khảo sát, thiết kế		
1	Hồ sơ bản vẽ khảo sát (Tập I)		
2	Hồ sơ bản vẽ thiết kế (Tập I)		

VIII. Các căn cứ pháp lý lập hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật

STT	Nội dung
1	Luật Xây dựng ban hành ngày 18/6/2014;
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
3	Luật Đấu thầu ban hành ngày 23/6/2023;
4	Luật Thuế giá trị gia tăng ban hành ngày 01/7/2016;
5	Luật Đầu tư ngày 17/6/2020
6	Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019
7	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
8	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
9	Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
10	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
11	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
12	Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
13	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
14	Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;
15	Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn

STT	Nội dung
	xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
16	Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
17	Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;
18	Thông tư 08/2025/TT-BXD ngày 30/05/2025 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng; Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021;
19	Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Cước vận tải hàng hoá bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
20	Quyết định số 640/2011/QĐ-BGTVT ngày 04/4/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ năm 2011;
21	Quyết định số 652/QĐ-SGTVT ngày 31/12/2018 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Điện Biên về việc xếp loại đường tính lộ để tính giá cước vận tải đường bộ năm 2019;
22	Công văn số 17/SGTVT-KT&QLGT ngày 02/01/2019 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Điện Biên về việc báo cáo xếp loại đường để tính giá cước năm 2019;
23	Công văn số 196/2016/CB-SXD ngày 3/3/2016 của Sở xây dựng tỉnh Điện Biên về việc công bố định mức dự toán đặc thù khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại, định mức bóc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công và hướng dẫn phương pháp tính chi phí sản xuất một số loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
24	Quyết định 1135/2023/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên về việc Công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên
25	Quyết định 1117/2023/QĐ-SXD ngày 19/6/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên Công bố bộ Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
26	Công bố số 3019/CBGVLXD-SXD ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính - Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên công bố giá vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường tỉnh Điện Biên thời điểm tháng 8 năm 2025.

Chương II

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. Địa điểm xây dựng công trình

STT	Nội dung	Mô tả
1	Vị trí	Bản Pa Soan1, xã Nậm Nền, tỉnh Điện Biên.

II. Diện tích chiếm đất

STT	Nội dung	Mô tả
1	Tổng diện tích chiếm đất	8.000m ²
2	Diện tích chiếm đất các loại	Chiếm đất lâu dài: 8.000m ² Chiếm đất tạm thời: 8.000m ²
-	Dạng tập trung	500m ²
-	Dạng tuyến	7.500m ²

Chương III**NHIỆM VỤ, QUY MÔ VÀ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH****I. Loại, cấp công trình**

STT	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
1	Loại công trình		Hạ tầng kỹ thuật.
2	Cấp công trình		Công trình cấp IV(Cấp thiết kế theo thông tư Số: 06/2022/TT-BXD)

II. Nhiệm vụ, quy mô và kết cấu công trình**1. Nhiệm vụ**

Công trình: Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên. Đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho 42 hộ với 200 nhân khẩu, 1 điểm trường mầm non với 01 giáo viên 23 học sinh, 01 điểm trường tiểu học với 1 giáo viên 12 học sinh.

2. Quy mô công trình:**2.1. Hiện trạng công trình:**

Vào ngày 1/7/2025, xã Nậm Nèn được tái cấu trúc từ sự hợp nhất của xã Huổi Mí và xã Nậm Nèn cũ theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15. Sự kiện này không chỉ thay đổi ranh giới hành chính mà còn đánh dấu bước ngoặt trong việc tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý và thúc đẩy phát triển bền vững. Với vị trí nằm ở vùng biên giới, xã Nậm Nèn đang dần trở thành một điểm sáng trong bức tranh phát triển của huyện Mường Chà.

Quy mô lãnh thổ và dân cư mới: Sau sáp nhập, xã Nậm Nèn có diện tích tự nhiên khoảng 150 km² và dân số ước tính hơn 4.500 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc Thái và Hà Nhì, Mông. Quy mô này giúp xã có điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển kinh tế và hạ tầng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của người dân.

Tái cấu trúc bộ máy hành chính: Trụ sở hành chính của xã Nậm Nèn được đặt tại khu vực trước đây là trung tâm xã Nậm Nèn cũ, giúp tinh gọn hệ thống quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận các dịch vụ công như cấp giấy tờ, đăng ký hộ khẩu và các thủ tục hành chính khác.

- Bản Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên thuộc khu vực đồi núi cao, sườn núi dốc, lưu vực nguồn nước ngắn, lưu lượng nước nhỏ. Cụm công trình cung cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân ở bản, có tổng số hộ dân hiện tại là 42 hộ với 200 nhân khẩu, 1 điểm trường mầm non với 01 giáo viên 23 học sinh, 01 điểm trường tiểu học với 1 giáo viên 12 học sinh. Hiện tại bản Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên chưa có hệ thống nước sinh hoạt về bản nên bà con dân bản đang tự dẫn những đường ống nhỏ về bản.

Để đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt kịp thời, ổn định đời sống nhân dân và nâng cao ý thức chăm lo cho con em trong bản được học hành đầy đủ, trình độ nhận thức được phát triển góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nên việc đầu tư xây dựng công trình: Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên là cần thiết và cấp bách.

2.3. Phương án bố trí kết cấu

a. Đầu mối lấy nước làm mới:

- Hình thức: Đập tràn dâng nước, tràn mặt xả nước, hầm lấy nước trong thân đập, bể thu đầu mối bên vai của đập.

- Cao trình tường thượng lưu Zđ đ = 1381.00m.

- Cao trình ngưỡng tràn Zđ đ = 1379.50m.

- Cao trình tường hạ lưu Zđ đ = 1380.20 m.

- Bề rộng khoang tràn BTR=4,0m.

- Chiều cao đập Hđ = 2,85m.

- Bề rộng chân đập Lđ = 4,50m

- Hồ thu nước kích thước B*Htb*L = 1,6*1,5*2,4m.

- Hồ ga kích thước B*Htb*L = 0,65*0,7*1,4m.

- Kết cấu: Thân đập BT M200 độn 30% đá hộc đập được bọc BTCT M200 dày 20cm, tường cánh đập + tấm nắp bể thu BTCT M200, thép hầm $\phi 16$ đặt xuôi chiều dòng chảy, khoảng hở giữa hai mép thanh lưới a=4mm.

b. Tuyến ống:

- Làm mới tuyến ống HDPE $\Phi 75$ PN10, PE 100, L= 3656,74m.

- Làm mới tuyến ống HDPE $\Phi 50$ PN10, PE 100, L= 363,22m.

- Làm mới tuyến ống HDPE $\Phi 40$ PN10, PE 100, L= 2178,27m.

- Làm mới tuyến ống HDPE $\Phi 32$ PN10, PE 100, L= 398,46m.

- Làm mới tuyến ống HDPE $\Phi 25$ PN12,5, PE 100, L= 398,46m.

- Làm mới tuyến ống HDPE $\Phi 20$ PN16, PE 100, L= 870,74m.

C. Công trình trên tuyến

* Bể lọc thô

- Vị trí: 10; Có nhiệm vụ tập trung và lọc nước từ vị trí đầu mối.

- Hình thái: Bể hình hộp chữ nhật 3 ngăn.

- Kích thước ngăn tập trung nước B*L*H: 1,2*0,6*1,8m.

- Kích thước ngăn lọc B*L*H: 1,2*2*1,8m.

- Kích thước ngăn dẫn nước đi B*L*H: 1,2*0,6*1,8m.

- Kết cấu: Đáy, tấm lọc, tấm nắp BTCT M200, thành bể và sân BT M200, BT lót M100.

* Trạm lọc áp lực

Vị trí	Tại cọc 51	
- Công suất lọc	m3/h	5-7
Bình lọc:		
- Số lượng bình lọc	bình	3
* Thiết bị lọc thô đứng		
- Số lượng	bình	1
- Kết cấu	Thép CT3	
- Đường kính thiết bị D	mm	1200
- Chiều cao bình	mm	3400
- Chiều dày INOX làm bình	mm	4

* Thiết bị bình lọc tinh đứng			
- Số lượng	bình		02
- Kết cấu		Thép CT3	
- Đường kính thiết bị D	mm		1100
- Chiều cao bình đứng	mm		3100
- Chiều dày INOX làm bình	mm		4
* Thiết bị ổn định áp thép			
- Số lượng	bình		01
- Kết cấu		Thép CT3	
- Đường kính thiết bị D	mm		700
- Chiều cao bình đứng	mm		1000
- Chiều dày INOX làm bình	mm		4
Tường bao + cổng bảo vệ			
* Tường bao:			
- Kích thước trụ tường bao B*H*L	m		0,22*0,22*2,2
- Kích thước tường ngăn B*H	m		0,11*0,56
- Kích thước móng tường bao B*H	m		0,33*0,21
- Kết cấu		Gạch xây vữa M75; vữa lót M50; xung quanh được liên kết với lưới thép Φ40 và cổng đóng mở kết cấu thép để bảo vệ.	
* Cổng bảo vệ:			
- Chiều rộng cổng B*H	m		1,16*2,2
- Số lượng cánh cổng			01
- Hình thức kết cấu		Chọn cổng bằng thép hộp, sơn tĩnh điện hàn tạo khung cổng và lan công trang trí.	

*** Bể tập trung**

- Vị trí: Cọc 51
- Kích thước lòng BxHxL: 4,2x2,0x7,0m.
- Kích thước hố van BxHxL: 0,6x0,6x0,6m.
- Kết cấu: BTCT M200, BT M200, BT lót M100, rãnh thoát nước BT M200.

*** Hố van xả cặn**

- Vị trí: Cọc 32, 49, 91, 123, 212, 220, 244
- Kích thước lòng hố van B*H*L (m): 0,6*0,6*0,6m
- Kích thước bản đáy hố van B*L*H (m): 1,0*1,0*0,1m
- Kết cấu: BT M200, BTCT tấm nền M200, BT lót M100

*** Hố van xả khí**

- Vị trí: Cọc 50, 75, 97, 139, 173, 214, 242, cọc 10 nhánh 18.
- Kích thước lòng hồ van B*H*L (m): 0,6*0,6*0,6m
- Kích thước bản đáy hồ van B*L*H (m): 1,0*1,0*0,1m
- Kết cấu: BT M200, BTCT tấm nền M200, BT lót M100

** Hồ van chia nước 3 nhánh*

- Vị trí: cọc 149, 156, 161, 165, 179.
- Kích thước lòng hồ van B*H*L (m): 0,6*0,6*0,6m
- Kích thước bản đáy hồ van B*L*H (m): 1,0*1,0*0,1m
- Kết cấu: BT M200, BTCT tấm nền M200, BT lót M100.

** Hồ van giảm áp*

- Vị trí: Cọc 60, cọc 145, cọc 150, 175, 190, 199, cọc 5, 10 nhánh 7, cọc 5 nhánh 8, cọc 2 nhánh 3, cọc 2 nhánh 17, cọc 2 nhánh 19.

- Kích thước lòng hồ van B*H*L (m): 0,6*0,6*0,6m
- Kích thước bản đáy hồ van B*L*H (m): 1,0*1,0*0,1m
- Kết cấu: BT M200, BTCT tấm nền M200, BT lót M100

** Đỡ ống qua khe (6 vị trí):*

- Vị trí từ cọc 6-8, 19-21, 66-68, 72-74, 84-86, 200-202.
- Kích thước móng B*H*L=(0,6-:-1,0)*0,9*(0,6-:-1,0)m.
- Lòng ngoài ống dẫn nước ống TTK.
- Kết cấu móng trụ BT M200, BT lót M100.

** Bể cắt áp*

- Vị trí: cọc 118.
- Kích thước lòng B*H*L (m): 1,5*1,5*1,5m
- Kết cấu: BT M200, BTCT tấm nền M200, BT lót M100

** Điểm đầu nối nhà dân*

- Số vị trí: 37 điểm đầu nối.
- Kích thước B*H*L=0,2*0,9*0,3(m). Sân rửa B*t*L = 1,2*0,1*1,2 (m).

- Kết cấu BT M200, phụ kiện ống đồng hồ đầy đủ.III. Khối lượng các công tác xây dựng

(Chi tiết xem hồ sơ bản vẽ thiết kế)

Chương IV**GIẢI PHÁP THI CÔNG VÀ AN TOÀN XÂY DỰNG****I. Giải pháp thi công xây dựng****1. Trình tự thi công**

STT	Nội dung	Mô tả
1	Bước 1	Chuẩn bị thi công: - Nhận hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và làm các thủ tục hành chính pháp lý. - Lên kế hoạch cung cấp vật tư, máy móc, điều phối nhân công cho cả quá trình thi công. - Nhận mặt bằng thi công, định vị các hạng mục công trình trên cơ sở các cọc mốc được giao. Bố trí mặt bằng thi công công trình cho phù hợp với hiện trạng tuyến xây dựng công trình. - Tiến hành xây dựng nhà tạm cho công nhân, kho bãi chứa vật liệu, máy móc thiết bị thi công kết hợp việc thuê nhà, mặt bằng kho bãi của dân trong khu vực xây dựng công trình, đảm bảo diện tích yêu cầu và thuận lợi trong toàn bộ quá trình thi công. - Chuẩn bị hạ tầng phục vụ thi công: Nước, điện, khu vệ sinh...
2	Bước 2	- Thi công tuyến ống: Đào đất hố móng, đổ bê tông lót móng, lắp đặt ván khuôn, đổ bê tông móng, bê tông tường lấp trả hố móng, thu dọn hiện trường. Thi công từ đầu tuyến về cuối tuyến.
3	Bước 3	Thi công hệ thống công trình trên tuyến: - Hố van, đỡ ống... : Đào móng, lắp dựng ván khuôn, cốt thép, đổ bê tông, đắp trả đất móng, thu dọn và hoàn chỉnh mặt bằng. Thi công các công trình trên tuyến song song với việc thi công tuyến dẫn.
4	Bước 4	Hoàn thiện công trình, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Giải pháp kỹ thuật thi công

STT	Nội dung	Mô tả
1	Đào, đắp đất móng	- Thi công bằng thu công, đoạn mặt bằng rộng cho phép thì đào bằng máy xúc gầu nhỏ chuyên dụng.
2	Công tác bê tông	- Lắp dựng ván khuôn thép, gỗ bằng thủ công. - Trộn bê tông bằng máy, đổ bằng thủ công, đầm bê tông bằng đầm dùi, đầm bàn và bằng thủ công.
3	Cung ứng vật tư, vật liệu	- Vận chuyển ô tô các vật tư, vật liệu bằng ô tô đến chân công trình, dọc tuyến công trình. - Vận chuyển bộ đến các điểm thi công.

II. An toàn xây dựng

STT	Nội dung	Quy định áp dụng
1	Áp dụng các quy định an toàn lao động vào thực tế công trường: - Trước khi khởi công xây dựng, đơn vị thi công xây dựng, phải lập, phê duyệt thiết kế biện pháp thi công theo quy định, trong đó phải thể hiện được các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, thiết bị thi công, công trình chính, công trình tạm, công trình phụ trợ, công trình lân	- Thông tư số 07/2020/TT-BXD ngày 16/03/2020 của Bộ Xây dựng quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng

STT	Nội dung	Quy định áp dụng
	cận, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường. - Biện pháp thi công phải được đơn vị thi công xây dựng rà soát định kỳ và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của công trường. - Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải có cảnh báo để phòng tai nạn. - Những người điều khiển máy, thiết bị thi công và những người thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định theo pháp luật về an toàn lao động phải được huấn luyện về an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động theo quy định. - Máy, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn. - Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt. - Người lao động khi tham gia thi công xây dựng trên công trường phải có đủ sức khỏe, được huấn luyện về an toàn và được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật về lao động. - Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc đảm bảo an toàn trong quá trình thi công theo quy định.	công trình.
2	Tổ chức bộ máy kiểm tra, giám sát và thực hiện công tác an toàn lao động trên công trường: - Nhiệm vụ chỉ huy công trường. - Cán bộ kỹ thuật trên công trường. - Tổ trưởng sản xuất. - Trách nhiệm người lao động.	
3	Các biện pháp cụ thể trong lĩnh vực an toàn công trường: - Tổ chức mặt bằng trên công trường - Sử dụng trang bị bảo hộ lao động - An toàn giao thông trên công trường - An toàn trong lắp ráp sử dụng điện - An toàn trong khi sử dụng các loại máy móc, thiết bị. - Những biện pháp áp dụng khi xử lý những vụ việc liên quan đến tai nạn lao động.	- Tuân thủ tiêu chuẩn QCVN 18:2022 - /BXD về An toàn trong thi công xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư 16/2022/TT-BXD ngày 20/12/2022 và các tiêu chuẩn, tài liệu khác liên quan.

Chương V

PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

I. Diện tích giải phóng mặt bằng

STT	Hạng mục	Nội dung
1	Đầu mối, tuyến ống và công trình trên tuyến	Công trình không có chi phí đền bù giải phóng mặt bằng. Quá trình thi công, nếu đào móng tuyến vào phạm vi đất của dân thì đề nghị chính quyền xã và các hộ dân phối hợp với đơn vị thi công, thi công và hoàn trả mặt bằng đảm bảo nguyên trạng, an toàn và ổn định.

Chương VI

DỰ TOÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ XÂY DỰNG

I. Dự toán công trình

- Có chi tiết dự toán công trình kèm theo.

II. Nguồn vốn

- Nguồn vốn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Chương VIII

HIỆU QUẢ CÔNG TRÌNH

- Đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho 42 hộ với 200 nhân khẩu, 1 điểm trường mầm non với 01 giáo viên 23 học sinh, 01 điểm trường tiểu học với 1 giáo viên 12 học sinh.

- Công trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng, ổn định đời sống nhân dân trong khu vực.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Các nội dung chính

STT	Nội dung	Mô tả
1	Chủ đầu tư	Ban Quản lý dự án & PTQĐ khu vực 4.
2	Đại diện chủ đầu tư	Ban Quản lý dự án & PTQĐ khu vực 4.
4	Cấp quyết định đầu tư	UBND tỉnh Điện Biên.
5	Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng mới
6	Hình thức quản lý dự án	Chủ đầu tư tự quản lý dự án
7	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2025

II. Phân chia các công việc thuộc dự án

1. Phần công việc đã thực hiện

T T	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện (đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật			
2	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán			

2. Phần công việc không áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện (đồng)
1	Quản lý dự án	Ban Quản lý dự án & PTQĐ khu vực 4.	
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
3	Thẩm định thiết kế - dự toán		
4	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật		

III. Các bước thực hiện dự án

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Tờ trình chủ trương đầu tư	2025	
2	Quyết định chủ trương đầu tư	2025	

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
3	Dự thảo đề cương, dự toán, kế hoạch chỉ thầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, quản lý dự án	2025	
4	Quyết định phê duyệt đề cương, dự toán, kế hoạch chỉ thầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, quản lý dự án	2025	
5	Quyết định giao quản lý dự án	2025	
6	Quyết định chỉ thầu đơn vị tư vấn khảo sát lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2025	
7	Quyết định chỉ thầu đơn vị tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	2025	
8	Hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2025	
9	Báo cáo thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	2025	
10	Tờ trình phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2025	
11	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2025	
12	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2025	
13	Tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu	2025	
14	Thẩm định kế hoạch đấu thầu	2025	
15	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu	2025	
16	Quyết định chỉ thầu tư vấn lựa chọn nhà thầu xây lắp	2025	
17	Quyết định chỉ thầu tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu	2025	
18	Quyết định chỉ thầu tư vấn giám sát	2025	
19	Lựa chọn nhà thầu xây lắp	2025	
20	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	2025	
22	Thi công xây dựng	2025	
23	Nghiệm thu, thanh toán các chi phí	2025	
24	Kiểm toán, quyết toán công trình	2025	

Chương X

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Công trình: Nước sinh hoạt Pa Soan 1, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên. Đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho 42 hộ với 200 nhân khẩu, 1 điểm trường mầm non với 01 giáo viên 23 học sinh, 01 điểm trường tiểu học với 1 giáo viên 12 học sinh.

- Đề nghị Ban Quản lý dự án & PTQĐ khu vực 4, các ban ngành chức năng xét duyệt hồ sơ, đầu tư xây dựng công trình là cần thiết và cấp bách nhằm tạo điều kiện giao thông thuận lợi phục vụ phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản, giao thương hàng hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời phục vụ thiết thực công tác quản lý của các cấp chính quyền, tăng cường an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

II. Kiến nghị

- Thi công đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.
- Có văn bản nghiệm thu hồ móng và từng phần xây lát.
- Trong quá trình thi công có gì sai khác với hồ sơ thiết kế, yêu cầu chủ đầu tư, đơn vị thi công, giám sát thi công, nhân dân và chính quyền địa phương thông báo kịp thời với tổ chức thiết kế để cùng nhau bàn bạc giải quyết.

CÔNG TY TNHH NAM HÙNG

ĐIỆN BIÊN



Lê Đăng Phú